

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 838/TTr-TNMT ngày 20/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Changsung Hà Nội, địa chỉ trụ sở chính tại Lô CN-16, Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở đầu tư “Dự án Changsung Coating Vina” tại Lô CN- 16, Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở đầu tư

1.1. Tên cơ sở: Dự án Changsung Coating Vina

1.2. Chủ cơ sở: Công ty TNHH Changsung Hà Nội.

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô CN-16, Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (thuê lại nhà xưởng của công ty TNHH Wonjin Vina).

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 2400787836 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 01 năm 2016; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 27 tháng 11 năm 2018.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 8708607278 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2016.

1.5. Mã số thuế: 2400787836.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Sản xuất, gia công các thành phần kim loại bên ngoài cho điện thoại di động, máy ảnh kỹ thuật số, máy tính xách tay: nút nguồn, nút âm lượng, thiết bị gắn camera, micro, khe cắm; Sản xuất, gia công các thành phần kim loại bên trong cho điện thoại di động: thiết bị cho pin điện thoại, cổng usb điện thoại, thiết bị gắn sim; Sản xuất, gia công vỏ ốp kim loại cho điện thoại di động, máy ảnh kỹ thuật số, máy tính xách tay, điện thoại, thiết bị gắn sim; Sản xuất, gia công vỏ ốp kim loại cho điện thoại di động, máy ảnh kỹ thuật số, máy tính xách tay.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

* Phạm vi: Cơ sở được thực hiện tại Lô CN - 16, Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (thuê lại nhà xưởng của công ty TNHH Wonjin Vina) với diện tích 1.500 m².

* Quy mô, công suất của cơ sở

- Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Sản xuất, gia công các thành phần kim loại bên ngoài cho điện thoại di động, máy ảnh kỹ thuật số, máy tính xách tay: nút nguồn, nút âm lượng, thiết bị gắn camera, micro, khe cắm; Sản xuất, gia công các thành phần kim loại bên trong cho điện thoại di động: thiết bị cho pin điện thoại, cổng usb điện thoại, thiết bị gắn sim; Sản xuất, gia công vỏ ốp kim loại cho điện thoại di động, máy ảnh kỹ thuật số, máy tính xách tay, điện thoại, thiết bị gắn sim; Sản xuất, gia công vỏ ốp kim loại cho điện thoại di động, máy ảnh kỹ thuật số, máy tính xách tay với công suất khoảng 12 triệu sản phẩm các loại/năm gồm:

+ Các sản phẩm kim loại bên ngoài cho điện thoại di động, máy ảnh kỹ thuật số, máy tính xách tay: 7.000.000 sản phẩm/năm.

+ Các sản phẩm kim loại bên trong cho điện thoại di động: 3.000.000 sản phẩm/năm

+ Vỏ ốp kim loại cho điện thoại di động, máy ảnh kỹ thuật số, máy tính xách tay: 2.000.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Changsung Hà Nội được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Changsung Hà Nội có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Changsung Hà Nội có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh, UBND huyện Việt Yên.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Dự án Changsung Coating Vina” của Công ty TNHH Changsung Hà Nội thực hiện tại Lô CN-16 (thuê lại nhà xưởng của công ty TNHH Wonjin Vina), KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ban quản lý các KCN tỉnh, UBND huyện Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Dự án Changsung Coating Vina” tại Lô CN-16, KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Changsung Hà Nội được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định 1129/QĐ-TNMT ngày 09/11/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Changsung Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang; UBND huyện Việt Yên, Công ty TNHH Changsung Hà Nội và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH Changsung Hà Nội (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, KTN Việt Anh

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Cơ sở không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

- Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của cơ sở được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 60 m³/ngày đêm của Công ty TNHH Wonjin Vina (đơn vị cho thuê xưởng xây dựng và vận hành) xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (Theo biên bản thỏa thuận đấu nối, xử lý nước thải ngày 04/9/2023 giữa Công ty TNHH Wonjin Vina và Công ty TNHH ChangSung Hà Nội) trước khi đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Vân Trung, huyện Việt Yên do Công ty TNHH Fugiang (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp) quản lý, vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi xả thải ra môi trường.

- Nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình đập bụi sơn tại booth sơn số 2,3,4 của hệ thống xử lý khí thải được sử dụng tuần hoàn, định kỳ, 4 tháng/lần Công ty TNHH Changsung Hà Nội tiến hành vệ sinh bể và hợp đồng và thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại, không xả nước thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

* Nước thải sinh hoạt

- Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua 01 bể tự hoại 3 ngăn (bể tự hoại có thể tích 10m³) sẽ theo đường ống dẫn DN200, I=0,5% có chiều dài khoảng 160m để đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60m³/ngày đêm của Công ty TNHH Wonjin Vina (đơn vị cho thuê nhà xưởng) để xử lý.

* Nước thải sản xuất từ quá trình đập bụi sơn tại các booth sơn số 2,3,4 phát sinh khoảng 7m³/ngày được sử dụng tuần hoàn cho quá trình đập bụi sơn, lượng nước thải được bổ sung hàng ngày khoảng 0,5m³/ngày. Công ty TNHH Changsung Hà Nội tiến hành vệ sinh định kỳ 4 tháng/lần và thu gom nước thải sản xuất vào 03 bể chứa (Kích thước mỗi bể chứa: 1,5m x 1m x 0,8m) và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định về

chất thải nguy hại.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt

Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 60m³/ngày đêm của Công ty TNHH Wonjin Vina:

Nước thải sinh hoạt của cơ sở sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại => bể điều hòa -> bể thiếu khí 1 -> bể hiếu khí 1-> bể thiếu khí 2 -> bể hiếu khí 2 -> bể lắng -> Bể khử trùng -> Nước thải sau xử lý (đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B).

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ xử lý sinh học hiếu khí
- Công suất thiết kế: 60m³/ngày đêm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Do Công ty TNHH Wonjin Vina chịu trách nhiệm thực hiện.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: 07 nguồn phát sinh khí thải, cụ thể như sau:

- + Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình sơn tại booth sơn số 1
- + Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ quá trình sơn và sấy tại booth sơn số 2
- + Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ quá trình sơn và sấy tại booth sơn số 3
- + Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ quá trình sơn và sấy tại booth sơn số 4
- + Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ quá trình laser
- + Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ khu vực pha sơn số 1
- + Nguồn số 07: Khí thải phát sinh từ khu vực pha sơn số 2

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: Cơ sở có 04 dòng khí thải sau 04 hệ thống xử lý khí thải.

- Dòng số 1: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải số 01 (xử lý khí thải từ quá trình sơn tại booth sơn số 1 và từ quá trình laser) được thải ra môi trường qua ống khói số 1.

- Dòng số 2: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải số 02 (xử lý khí thải từ quá trình sơn tại booth sơn số 2 và khu vực pha sơn số 1) được thải ra môi trường qua ống khói số 2.

- Dòng số 3: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải số 03 (xử lý khí thải từ quá trình sơn tại booth sơn sấy số 3) được thải ra môi trường qua ống khói số 3.

- Dòng số 4: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải số 04 (xử lý khí thải từ quá trình sơn tại booth sơn sấy số 4 và khu vực pha sơn số 2) được thải ra môi trường qua ống khói số 4.

2.1. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiều 3^0).

- Dòng số 01: 01 vị trí tại ống khói số 1. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2350774; Y = 410575.

- Dòng số 02: 01 vị trí tại ống khói số 2. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2350764; Y = 410571.

- Dòng số 03: 01 vị trí tại ống khói số 3. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2350753; Y = 410570.

- Dòng số 04: 01 vị trí tại ống khói số 4. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2350747; Y = 410568.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 54.000 m³/giờ tương đương 432.000 m³/ngày, cụ thể:

- Dòng số 01: lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 9.000 m³/giờ.
- Dòng số 02: lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 15.000 m³/giờ.
- Dòng số 03: lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 15.000 m³/giờ.
- Dòng số 04: lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 15.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc (thời gian làm việc 8 giờ/ngày)

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT), cụ thể như sau:

ST T	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B	QCVN 20:2009/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	-	6 tháng/lần
2	CO	mg/Nm ³	1000	-	
3	SO ₂	mg/Nm ³	500	-	
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850	-	
5	Benzene	mg/Nm ³	-	5	01 năm/lần
6	Toluen	mg/Nm ³	-	750	
7	Xylen	mg/Nm ³	-	870	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

* Cơ sở lắp đặt 4 hệ thống thu gom, xử lý khí thải tại quá trình laser và quá trình sơn.

- Hệ thống xử lý khí thải 01:

+ Dòng khí thải phát sinh từ quá trình sơn tại booth sơn số 1 được thu gom bằng các đường ống có kích thước D350-D400 có tổng chiều dài 43,2m để dẫn về hệ thống xử lý khí thải.

+ Bụi phát sinh từ quá trình laser được thu gom bằng 28 đường ống dẫn (Mỗi ống dẫn có kích thước D100; L= 1,8m; Mỗi đường ống dẫn bao gồm 2 nhánh ống mềm kích thước D75; L =1m; có van khóa) sau đó thu gom chung vào đường ống chính có kích thước D300 có chiều dài L=10,2m để dẫn về hệ thống xử lý khí thải.

+ Tủ than hoạt tính có kích thước: 3800x1900x1900 (mm) với lớp vật liệu hấp phụ là than hoạt tính dày 20cm, nhờ lực hút của quạt có công suất 9.000m³/giờ. Bụi, khí thải được thoát ra ngoài ống khói có kích thước D600, H=5m.

- Hệ thống xử lý khí thải 2,3,4 (gồm: Khí thải phát sinh từ quá trình sơn tại booth sơn số 2 và khu vực pha sơn 1; tại booth sơn sấy số 3; tại booth sơn sấy số 4 và khu vực pha sơn 2) tương tự nhau, cụ thể:

Bụi, hơi khí thải phát sinh tại khu vực booth sơn, pha sơn, sấy sau sơn được lắp đặt các chụp hút, ống dẫn khí tại các nơi phát sinh khí thải (Chụp hút có kích thước D1000x800x600/D200; ống dẫn khí có kích thước D100-D200), dẫn về tháp dập bụi bằng nước, sau đó thu về đường ống dẫn chính có kích thước D500-D600 dẫn tới tháp hấp phụ bằng than hoạt tính của từng hệ thống xử lý khí thải (kích thước: 3800x1900x1900mm, gồm 01 lớp than hoạt tính dày 20cm) nhờ lực hút của quạt có tổng công suất 45.000m³/giờ (03 quạt, mỗi quạt công suất 15.000m³/giờ) và được thoát ra ngoài qua 03 ống khói (kích thước mỗi ống khói: D600, H=5m).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ của 04 hệ thống xử lý khí thải:

+ Hệ thống xử lý khí thải số 01: khí thải → chụp hút (bụi, khí thải sơn, laser) → tháp hấp phụ → quạt hút → ống thoát khí thải → Môi trường tiếp nhận (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT).

+ Hệ thống xử lý khí thải số 2,3,4 (01 HTXLKT từ booth sơn số 2 và khu vực pha sơn số 1; 01 HTXLKT từ booth sơn sấy số 3; 01 HTXLKT từ booth sơn sấy số 4 và khu vực pha sơn số 2): Khí thải → dập nước → tháp hấp phụ (than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát khí thải → Môi trường tiếp nhận (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế:

+ Công suất thiết kế của hệ thống xử lý khí thải số 01: 9.000 m³/giờ.

+ Công suất thiết kế của hệ thống xử lý khí thải số 02: 15.000 m³/giờ.

+ Công suất thiết kế của hệ thống xử lý khí thải số 03: 15.000 m³/giờ.

+ Công suất thiết kế của hệ thống xử lý khí thải số 04: 15.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho 04 hệ thống xử lý khí thải:

+ Than hoạt tính: Khoảng 1.500 kg/năm.

+ Nước sạch sử dụng tuần hoàn, mỗi ngày bổ sung 0,5 m³/ngày đêm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

1.3.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố môi trường

- Dự trữ trong kho của cơ sở đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời ngừng hoạt động tại các điểm có sự cố và báo cáo cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại cơ sở, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Định kỳ (06 tháng/lần) thuê đơn vị bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để đảm bảo xử lý khí thải đạt quy chuẩn cho phép, tần suất thay than hoạt tính 12 tháng/lần.

1.3.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố môi trường

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Tạm dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 01/02/2024 đến ngày 29/02/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 04 Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình laser và sơn của cơ sở

+ Hệ thống xử lý khí thải số 01.

+ Hệ thống xử lý khí thải số 02.

+ Hệ thống xử lý khí thải số 03.

+ Hệ thống xử lý khí thải số 04.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

+ 01 vị trí tại ống khói sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải số 01.

+ 01 vị trí tại ống khói sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải số 02.

+ 01 vị trí tại ống khói sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải số 03.

+ 01 vị trí tại ống khói sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải số 04.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (*theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	04 vị trí + tại ống khói sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải số 01 + tại ống khói sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải số 02 + tại ống khói sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải số 03 + tại ống khói sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải số 04	Bụi tổng, NO _x (tính theo NO ₂), CO, SO ₂ , Benzen, Toluene, Xylen	Lấy mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp với tần suất 01 ngày/lần. Thời gian cụ thể như sau: -Lần 1: Ngày 07/02/2024 -Lần 2: Ngày 08/02/2024 -Lần 3: Ngày 09/02/2024	QCVN 19:2009/BT NMT, cột B; QCVN 20:2009/BT NMT

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 nguồn tiếng ồn, độ rung

+ Nguồn 1: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị sản xuất trong nhà xưởng.

+ Nguồn 2: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ vị trí đặt máy nén khí.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 vị trí phát sinh tiếng ồn độ rung. Tọa độ: theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiếu 3^0

+ 01 vị trí tại khu vực đặt máy móc thiết bị sản xuất trong nhà xưởng. Tọa độ: X= 2350785; Y= 410549

+ 01 vị trí tại khu vực đặt máy nén khí. Tọa độ: X = 2350734; Y = 410535

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thực hiện	<i>Khu vực thông thường</i>

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	<i>Khu vực thông thường</i>

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Trang bị bảo hộ lao động như nút tai cho công nhân làm việc tại xưởng sản xuất và lập nội quy hạn chế công nhân nói chuyện trong giờ làm việc để giảm tiếng ồn.

- Xây dựng cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp, trồng cây xanh xung quanh nhà xưởng.
- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt tại chân của quạt và thiết bị.
- Những nơi điều hành sản xuất được bố trí cách ly riêng.
- Thường xuyên tiến hành bảo dưỡng máy móc thiết bị. Định kỳ 3 tháng/lần tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Nước thải sản xuất chứa thành phần nguy hại	18.000
2	Nước thải dung dịch tẩy rửa chứa thành phần nguy hại	3.000
3	Bùn cặn sơn thải	1.072
4	Than hoạt tính thải	1.500
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	2
6	Các loại dầu động cơ và bôi trơn tổng hợp thải	20
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại chứa thành phần nguy hại	40
8	Găng tay, giẻ lau dính thành phần nguy hại	50
Tổng khối lượng		23.684

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Sản phẩm lỗi hỏng (quá trình laser)	23
2	Pallet gỗ thải	120
3	Bao bì đóng gói thải	120
4	Giẻ lau, găng tay không dính TPNH	100
Tổng khối lượng		363

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt của cơ sở phát sinh khoảng 30 kg/ngày, thành phần chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh... Giấy và các loại phế thải phục vụ văn phòng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 08 thùng chứa có nắp đậy, trong đó: 05 thùng nhựa có nắp đậy dung tích 160lít/thùng, 03 thùng phuy bằng thép có nắp đậy dung tích 200 lít/thùng tại kho chứa CTNH để lưu chứa các loại chất thải nguy hại. Định kỳ 01 tuần/lần sẽ thu gom vào kho chứa chất thải nguy hại chung của Công ty TNHH Wonjin Vina (Trừ nước thải sản xuất, bùn thải, than thoát tính thải được lưu giữ tại kho CTNH diện tích 25m² của cơ sở).

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

* Kho chứa chất thải tại Công ty TNHH Changsung Hà Nội: Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 25m², được bố trí bên trong nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: thiết kế xây gạch bao xung quanh, mái tôn, cao 3m, nền láng xi măng, bố trí các khay riêng biệt để chứa các chất thải lỏng, bố trí cát phòng ngừa ứng phó sự cố.

* Kho chứa chất thải nguy hại được Công ty TNHH Wonjin Vina bố trí sử dụng chung: Diện tích kho chứa: 33,3 m².

- Thiết kế, cấu tạo kho chứa: Kho chứa chất thải được thiết kế xây gạch bao xung quanh, mái tôn, cao 5m, nền láng xi măng, có gờ chống tràn tại cửa ra vào và cát phòng ngừa sự cố.

Công ty TNHH Wonjin Vina chịu trách nhiệm hợp đồng, thuê đơn vị có chức năng đến vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phát sinh tại Công ty TNHH Changsung Hà Nội. Tần suất thu gom: 3 ngày/lần hoặc sẽ thay đổi phụ thuộc vào khối lượng phát sinh của các đơn vị thuê xưởng.

Đối với nước thải sản xuất, bùn thải, than hoạt tính thải phát sinh: Công ty TNHH Changsung Hà Nội hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom: 4 tháng/lần hoặc thay đổi phụ thuộc vào khối lượng chất thải phát sinh.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 06 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy có dung tích 120lít/thùng xung quanh xưởng sản xuất để lưu chứa chất thải sản xuất. Cuối ngày chất thải được thu gom vận chuyển về kho chứa chất thải sản xuất do công ty TNHH Wonjin Vina bố trí (bố trí bên ngoài nhà xưởng).

2.2.2. Kho /khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

- Kho chứa chất thải sản xuất (sử dụng chung kho chứa chất thải sản xuất của Công ty TNHH Wonjin Vina): có diện tích khoảng 32,5m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải thông thường: Kho chứa được xây dựng khép kín, tường xây gạch bao xung quanh, mái tôn, nền láng xi măng, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định tại cửa ra vào, chiều cao công trình 5m.

Công ty TNHH Wonjin Vina chịu trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý chất thải sản xuất phát sinh tại Công ty TNHHHH Changsung Hà Nội theo đúng quy định. Tần suất thu gom: 3 ngày/lần hoặc thay đổi tần suất phụ thuộc vào khối lượng chất thải phát sinh của các đơn vị thuê xưởng.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí khoảng 10 thùng đựng rác bằng nhựa có nắp đậy dung tích 60lít/thùng xung quanh khu vực nhà xưởng, nhà ăn phòng; nhà ăn. Hàng ngày chất thải được thu gom về kho chứa chất thải sinh hoạt do Công ty TNHH Wonjin Vina bố trí (bên ngoài nhà xưởng).

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Kho chứa chất thải sinh hoạt (sử dụng chung kho chứa chất thải sinh hoạt do Công ty TNHH Wonjin Vina bố trí) diện tích: 12 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kho chứa được xây dựng khép kín, tường xây gạch bao xung quanh, mái tôn, nền láng xi măng, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định tại cửa ra vào, chiều cao công trình 5m.

Công ty TNHH Wonjin Vina chịu trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt phát sinh tại Công ty TNHHHH Changsung Hà Nội theo đúng quy định. Tần suất thu gom: 01 lần/ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty TNHH Changsung Hà Nội có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình vận hành cơ sở. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện cơ sở.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện cơ sở; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Thực hiện thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở để đưa về hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH Wonjin Vina đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Vân Trung để tiếp tục xử lý; đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải của cơ sở để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 838/TTr-TNMT ngày 20/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở.